

# KHÁI QUÁT VĂN HỌC DÂN GIAN VIỆT NAM \_\_\_\_\_

## A – MỤC TIÊU BÀI HỌC

Giúp HS :

– Hiểu và nhớ được những đặc trưng cơ bản của văn học dân gian. (Đây là mục tiêu quan trọng nhất của bài học.)

– Hiểu được những giá trị to lớn của văn học dân gian. Đây là cơ sở để HS có thái độ trân trọng đối với di sản văn hoá tinh thần của dân tộc, từ đó học tập tốt hơn phần văn học dân gian trong chương trình.

– Nắm được khái niệm về các thể loại của văn học dân gian Việt Nam. Mục tiêu đặt ra là HS có thể *nhớ và kể tên các thể loại, biết sơ bộ phân biệt* thể loại này với thể loại khác trong hệ thống.

## B – NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

### I – NỘI DUNG

#### 1. Đặc điểm bài học

Bài khái quát được viết một cách cô đọng. Trong mỗi mục và tiểu mục là những nhận xét, nhận định về các vấn đề khác nhau. Nếu đọc lướt, HS sẽ không nhận thức được gì. Vì số trang trong SGK bị hạn chế nên bài viết không nêu được những dẫn chứng cụ thể để làm rõ nhận định. Cung cấp những dẫn chứng này sẽ là nhiệm vụ của GV.

#### 2. Trọng tâm bài học

Trên cơ sở mục tiêu bài học, có thể xác định mục *Đặc trưng cơ bản của văn học dân gian* sẽ là trọng tâm của bài này.

### II – PHƯƠNG PHÁP VÀ TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

#### 1. Phương pháp dạy học

– Để HS nhận thức khái niệm văn học dân gian được dễ dàng, GV cần sử dụng phương pháp quy nạp. Do đó, GV cần chuẩn bị những dẫn chứng thật cụ thể, sinh động.

– Tuy nhiên, không phải tất cả các nội dung bài giảng GV đều có thể trình bày bằng phương pháp quy nạp. Đối với mục *Hệ thống thể loại của văn học dân gian*

*Việt Nam*, GV chỉ cần cho HS đọc và giới thiệu bằng phương pháp diễn giảng, không cần dành thời gian phân tích sâu. Về mục *Những giá trị cơ bản của văn học dân gian Việt Nam*, khi diễn giảng, GV nên tìm dẫn chứng để phân tích, chứng minh.

## 2. Tiến trình tổ chức dạy học

Trước hết, GV cần làm rõ các đặc trưng cơ bản đã được trình bày trong SGK :

a) *Đặc trưng thứ nhất : Văn học dân gian là những tác phẩm nghệ thuật ngôn từ truyền miệng (tính truyền miệng).*

Về đặc trưng này, GV cần làm rõ hai nội dung :

– Văn học dân gian là những tác phẩm nghệ thuật ngôn từ.

GV có thể nêu một số dẫn chứng (tác phẩm) lấy từ một vài thể loại khác nhau để HS tự nhận xét, đánh giá và rút ra kết luận về tính nghệ thuật của văn học dân gian (được thể hiện qua ngôn từ có hình ảnh, cảm xúc).

– Văn học dân gian tồn tại và phát triển nhờ truyền miệng :

Có ba ý sau cần làm rõ :

+ Truyền miệng là gì ? Đó là sự ghi nhớ theo kiểu nhập tâm và phổ biến bằng lời nói hoặc bằng trình diễn cho người khác nghe, xem. Văn học dân gian khi được phổ biến lại, đã thông qua lăng kính chủ quan của người truyền tụng nên thường được sáng tạo thêm.

+ Truyền miệng như thế nào ? Truyền miệng theo không gian : là sự di chuyển tác phẩm từ nơi này sang nơi khác ; truyền miệng theo thời gian : là sự bảo lưu tác phẩm từ đời này qua đời khác, từ thời đại này qua thời đại khác.

+ Quá trình truyền miệng được thực hiện thông qua diễn xướng dân gian. Tham gia diễn xướng, ít là một, hai người, nhiều là cả một tập thể trong sinh hoạt văn hoá cộng đồng.

Các hình thức của diễn xướng là nói, kể, hát, diễn tác phẩm văn học dân gian. Diễn xướng là hình thức trình bày tác phẩm một cách tổng hợp. GV có thể cho HS nghe hát một bài ca dao hoặc mô tả một cảnh trên chiếu chèo để các em thấy rõ sự kết hợp giữa lời thơ, nhạc điệu và diễn xuất, từ đó có được khái niệm về hình thức diễn xướng tổng hợp, cụ thể là :

Bài ca dao thường được hát theo một hoặc nhiều làn điệu khác nhau. Người xưa thường hát ca dao chứ ít đọc ca dao như chúng ta ngày nay.

Trong chèo có nói, hát (có chen những tiếng đệm, lót, đưa hơi hoặc ngâm, múa, hội hoạ (trang trí, hoá trang), diễn xuất của nghệ nhân.

Để làm rõ ba ý trên, GV có thể cho HS nhớ lại những hiện tượng thường ngày về sự truyền tụng một câu nói có vần, một câu chuyện dân gian hiện đại để từ đó, các

em tự rút ra kết luận cần thiết (tuy nhiên cần chú ý tránh những câu nói, câu chuyện dân gian hiện đại mang tính thô tục hoặc tư tưởng không lành mạnh ảnh hưởng xấu đến giờ giảng).

b) *Đặc trưng thứ hai : Văn học dân gian là sản phẩm của quá trình sáng tác tập thể (tính tập thể).*

Về đặc trưng này, cần cho HS nắm được các nội dung sau :

– Tập thể hiểu theo nghĩa hẹp là một nhóm người, hiểu theo nghĩa rộng là một cộng đồng dân cư. Trong một tập thể nhỏ, có thể chỉ ra được tên từng người, nơi cư trú và hoàn cảnh riêng của họ.

– Nhưng vì sao tên từng người lại không đọng lại trong kí ức dân gian ? Điều quan trọng là cần phải làm rõ cơ chế của sáng tác tập thể. Tập thể bao gồm nhiều cá nhân nhưng không phải tất cả các cá nhân cùng một lúc tham gia sáng tác. Mỗi cá nhân tham gia ở những thời điểm khác nhau. Nhưng vì truyền miệng nên lâu ngày, người ta không nhớ được và cũng không cần nhớ ai đã từng là tác giả. Tác phẩm văn học dân gian trở thành của chung, ai cũng có thể tùy ý bổ sung, sửa chữa. Thông thường thì việc làm này có ý nghĩa tích cực. Tác phẩm, sau khi được sửa chữa, thường hay hơn ; được bổ sung, sẽ đầy đủ, phong phú hơn.

– Tập thể là ai ?

Câu trả lời chung nhất : Tập thể là tất cả mọi người, ai cũng có thể tham gia sáng tác. Nhưng trong các thời đại trước đây, do người lao động không có "phương tiện sản xuất tinh thần" ... (chữ dùng của C. Mác) nên họ sáng tác văn học dân gian và coi đó là con đường, là cách thức duy nhất để thoả mãn nhu cầu thưởng thức và sáng tạo nghệ thuật của mình. Vì vậy, nhân dân lao động là lực lượng chính tạo ra kho tàng văn học dân gian đồ sộ của mỗi dân tộc.

Đây là mục rất khó giảng theo lối quy nạp. GV buộc phải diễn giảng nhưng có thể yêu cầu HS tự đọc từng đoạn trong SGK và trả lời câu hỏi để từ đó nhận biết được các em có hiểu hay không.

Văn học dân gian gắn bó và phục vụ trực tiếp cho các sinh hoạt khác nhau trong đời sống cộng đồng.

Về điểm này, GV cần làm rõ hai nội dung sau :

– Văn học dân gian đóng vai trò phối hợp hoạt động theo nhịp điệu của chính hoạt động đó.

GV có thể đi từ những dẫn chứng cụ thể về các bài ca dao như hò chèo thuyền, hò kéo lưới, hò giã gạo (có thể cho HS nghe một vài bài hát qua băng ghi âm hoặc đĩa CD) để khái quát luận điểm này. Những bài hò lao động thường có tác dụng phối hợp động tác theo một nhịp điệu nhất định. Ví dụ : Hò chèo thuyền trên

sông Mã (Thanh Hoá) có nhịp điệu nhanh, mạnh ; hò chèo thuyền trên sông Hương (Huế) nhẹ nhàng, khoan thai,...

– Văn học dân gian gây không khí để kích thích hoạt động, gợi cảm hứng cho người trong cuộc.

Bất kì hoạt động nào cũng cần có cảm hứng. Vì luôn tạo được niềm say mê cho người trong cuộc, nên văn học dân gian đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả của hoạt động.

GV có thể sử dụng một vài bài ca dao để phân tích, làm rõ cảm hứng thơ ca của người trong cuộc hoặc chọn một thể loại khác như truyện cười, đặt trong bối cảnh sinh hoạt cụ thể để thấy được vai trò của truyện cười đối với việc gây không khí, tạo sự sáng khoái để con người tham gia các hoạt động tích cực hơn. Đó là sự gắn bó và phục vụ trực tiếp của văn học dân gian đối với đời sống. Văn học viết không có đặc điểm này.

### III – THIẾT BỊ DẠY HỌC

Nếu có điều kiện, có thể cho HS xem băng video về lễ hội truyền thống, về ca hát dân gian hoặc nghe băng ghi âm, đĩa CD một vài bài ca. Tuy nhiên thời lượng phải hạn chế.

GV cần sưu tầm một số tranh, ảnh về lễ hội truyền thống và ca hát dân gian để phục vụ bài giảng.

### IV – KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ – GỢI Ý GIẢI BÀI TẬP

Hệ thống câu hỏi trong bài không khó lắm, vì vậy ở mục này, không có gợi ý gì thêm.

### V – TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đinh Gia Khánh – Chu Xuân Diên – Võ Quang Nhơn, *Văn học dân gian Việt Nam*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1997.
2. Lê Chí Quế (Chủ biên) – Võ Quang Nhơn – Nguyễn Hùng Vĩ, *Văn học dân gian Việt Nam*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2001.
3. Đỗ Bình Trị, *Văn học dân gian Việt Nam*, tập I, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1991.
4. Hoàng Tiến Tựu, *Văn học dân gian Việt Nam*, tập II, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1990.